

THỜI KHÓA BIỂU LỚP TÍN CHỈ
Đợt 1 (Học kỳ 1 năm học 2015-2016)
Hệ: Đại học - Khóa: 2

ST T	Tên lớp tín chỉ	Số TC	Lịch học	Giáo viên	Phòng học	Ghi chú
Học phần:Anh văn 1						
1	CS001.1_LT	3	Thứ 6(T1-3)	Nguyễn Thị Lan Hương	D-D3.1	
2	CS001.2_LT	3	Thứ 2(T1-3)	Lê Thị Thành Vinh	D-D3.1	
3	CS001.3_LT	3	Thứ 3(T1-3)	Nguyễn Thị Lan Hương	D-D1.3	
4	CS001.4_LT	3	Thứ 4(T1-3)	Lê Thị Thành Vinh	D-D1.3	
5	CS001.5_LT	3	Thứ 6(T6-8)	Ngụy Vân Thùy	D-D1.3	
6	CS001.6_LT	3	Thứ 2(T6-8)	Nguyễn Thị Hoài Ly	D-D3.1	
7	CS001.7_LT	3	Thứ 3(T6-8)	Ngụy Vân Thùy	D-D3.1	
8	CS001.8_LT	3	Thứ 4(T6-8)	Nguyễn Thị Hoài Ly	D-D1.5	
9	CS001.9_LT	3	Thứ 2(T6-8)	Lê Thị Thành Vinh	D-D3.3	
10	CS001.10_LT	3	Thứ 4(T6-8)	Ngụy Vân Thùy	D-D2.4	
Học phần:Dân số học						
11	CS005.1_LT	2	Thứ 6(T9-10)	Dương Thị Hải Yến	D-D2.2	
Học phần:Giáo dục thể chất 1						
12	CS032.1_LT	2	Thứ 4(T6-10)	Võ Thị Nguyên	D-D1.3	
13	CS032.1_TH.1	2	Thứ 4(T6-9)	Võ Thị Nguyên		
14	CS032.2_LT	2	Thứ 5(T6-10)	Võ Thị Nguyên	D-D3.3	
15	CS032.1_TH.2	2	Thứ 5(T6-9)	Võ Thị Nguyên		
16	CS032.3_LT	2	Thứ 6(T6-10)	Nguyễn Văn Chiến	D-D3.3	
17	CS032.1_TH.3	2	Thứ 6(T6-9)	Nguyễn Văn Chiến		
18	CS032.4_LT	2	Thứ 5(T6-10)	Nguyễn Văn Chiến	D-D1.3	

ST T	Tên lớp tín chỉ	Số TC	Lịch học	Giáo viên	Phòng học	Ghi chú
19	CS032.1_TH.4	2	Thứ 5(T6-9)	Nguyễn Văn Chiến		
20	CS032.5_LT	2	Thứ 4(T1-5)	Nguyễn Thị Hậu	D-D3.1	
21	CS032.1_TH.5	2	Thứ 4(T1-5)	Nguyễn Thị Hậu		
22	CS032.6_LT	2	Thứ 6(T1-5)	Nguyễn Thị Hậu	D-D1.3	
23	CS032.1_TH.6	2	Thứ 6(T1-4)	Nguyễn Thị Hậu		
24	CS032.7_LT	2	Thứ 5(T1-5)	Ngô Đăng Vinh	D-D1.3	
25	CS032.1_TH.7	2	Thứ 5(T1-4)	Ngô Đăng Vinh		
26	CS032.8_LT	2	Thứ 5(T1-5)	Võ Thị Nguyên	D-D1.5	
27	CS032.1_TH.8	2	Thứ 5(T1-4)	Võ Thị Nguyên		
28	CS032.9_LT	2	Thứ 6(T1-5)	Võ Thị Nguyên	D-D1.5	
29	CS032.1_TH.9	2	Thứ 6(T1-4)	Võ Thị Nguyên		
30	CS032.10_LT	2	Thứ 4(T1-5)	Võ Thị Nguyên	D-D1.5	
31	CS032.1_TH.10	2	Thứ 4(T1-4)	Võ Thị Nguyên		
Học phần:Hóa học đại cương						
32	CS008.1_LT	2	Thứ 2(T9-10)	Nguyễn Thị Hoàng	D-D1.5	
Học phần:Hóa học hữu cơ						
33	CS009CS009.1_LT	2	Thứ 4(T9-10)	Nguyễn Thị Hoàng	D-D3.1	
Học phần:Những NLCB của Chủ nghĩa Mác Lênin 1						
34	CT003.1_LT	2	Thứ 2(T1-2)	Nguyễn Thương Uyên	D-D3.3	
35	CT003.2_LT	2	Thứ 3(T1-2)	Nguyễn Thương Uyên	D-D3.3	
36	CT003.3_LT	2	Thứ 4(T1-2)	Nguyễn Thị Kim Dung	D-D2.4	
37	CT003.4_LT	2	Thứ 5(T1-2)	Nguyễn Thị Kim Dung	D-D2.3	
38	CT003.5_LT	2	Thứ 2(T9-10)	Nguyễn Thị Lam	D-D3.3	
39	CT003.6_LT	2	Thứ 3(T9-10)	Nguyễn Thị Lam	D-D3.3	
40	CT003.7_LT	2	Thứ 4(T9-10)	Nguyễn Mạnh Hưng	D-D2.4	

ST T	Tên lớp tín chỉ	Số TC	Lịch học	Giáo viên	Phòng học	Ghi chú
41	CT003.8_LT	2	Thứ 5(T9-10)	Nguyễn Mạnh Hưng	D-D1.5	
42	CT003.9_LT	2	Thứ 6(T9-10)	Nguyễn Thị Tùng	D-D3.1	
43	CT003.10_LT	2	Thứ 4(T9-10)	Nguyễn Thị Kim Dung	D-D2.1	
Học phần:Pháp luật đại cương						
44	CS014.1_LT	3	Thứ 2(T6-8)	Dương Thị Hải Yến	D-D2.2	
45	CS014.2_LT	3	Thứ 3(T6-8)	Phan Thị Thanh Bình	D-D2.1	
46	CS014.3_LT	3	Thứ 2(T6-8)	Phan Thị Thanh Bình	D-D1.3	
Học phần:Tin học đại cương						
47	CS027.1_LT	3	Thứ 2(T6-10)	Đào Thị Nha Trang	D-D2.1	
48	CS027.2_LT	3	Thứ 3(T6-10)	Trịnh Sơn Hải	D-D2.2	
49	CS027.3_LT	3	Thứ 4(T6-10)	Cao Phương Thảo	D-D2.3	
50	CS027.4_LT	3	Thứ 2(T6-10)	Trịnh Sơn Hải	D-D2.4	
51	CS027.5_LT	3	Thứ 2(T1-5)	Cao Phương Thảo	D-D2.1	
52	CS027.6_LT	3	Thứ 3(T1-5)	Đào Thị Nha Trang	D-D2.2	
53	CS027.7_LT	3	Thứ 3(T1-5)	Trịnh Sơn Hải	D-D2.4	
54	CS027.1_TH.1	3	Thứ 3(T6-10)	Đào Thị Nha Trang	E-E1.1	
55	CS027.1_TH.7	3	Thứ 6(T1-5)	Trịnh Sơn Hải	E-E1.2	
56	CS027.1_TH.2	3	Thứ 4(T6-10)	Trịnh Sơn Hải	E-E1.1	
57	CS027.1_TH.3	3	Thứ 5(T6-10)	Cao Phương Thảo	E-E1.1	
58	CS027.1_TH.4	3	Thứ 6(T6-10)	Trịnh Sơn Hải	E-E1.1	
59	CS027.1_TH.5	3	Thứ 3(T1-5)	Cao Phương Thảo	E-E1.2	
60	CS027.1_TH.6	3	Thứ 5(T1-5)	Đào Thị Nha Trang	E-E1.2	
61	CS027.8_LT	3	Thứ 4(T1-5)	Đào Thị Nha Trang	D-D2.1	
62	CS027.1_TH.8	3	Thứ 6(T1-5)	Đào Thị Nha Trang	E-E1.2	
Học phần:Toán cao cấp						

ST T	Tên lớp tín chỉ	Số TC	Lịch học	Giáo viên	Phòng học	Ghi chú
63	CS029.1_LT	3	Thứ 4(T1-3)	Trần Thị Hà Lan	D-D2.2	
64	CS029.2_LT	3	Thứ 5(T1-3)	Trần Thị Thiên Hương	D-D2.1	
65	CS029.3_LT	3	Thứ 6(T1-3)	Trần Thị Hà Lan	D-D2.1	
66	CS029.4_LT	3	Thứ 2(T1-3)	Bùi Đình Thắng	D-D1.3	
67	CS029.5_LT	3	Thứ 4(T6-8)	Ngô Hà Châu Loan	D-D2.2	
68	CS029.6_LT	3	Thứ 5(T6-8)	Bùi Thị Thanh	D-D2.1	
69	CS029.7_LT	3	Thứ 6(T6-8)	Nguyễn Thị Hà	D-D2.1	
70	CS029.8_LT	3	Thứ 2(T6-8)	Nguyễn Thị Hà	D-D1.5	
71	CS029.9_LT	3	Thứ 4(T6-8)	Bùi Đình Thắng	D-D3.1	
72	CS029.10_LT	3	Thứ 6(T6-8)	Ngô Hà Châu Loan	D-D2.2	
Học phần: Văn bản trong quản lý						
73	CS031.1_LT	3	Thứ 3(T3-5)	Trần Thị Diên	D-D3.3	
74	CS031.2_LT	3	Thứ 4(T3-5)	Trần Thị Diên	D-D3.3	
75	CS031.3_LT	3	Thứ 5(T3-5)	Trần Thị Diên	D-D2.4	
76	CS031.4_LT	3	Thứ 6(T3-5)	Nguyễn Thị Kim Dung	D-D2.3	
77	CS031.5_LT	3	Thứ 3(T6-8)	Nguyễn Thị Kim Dung	D-D3.3	
78	CS031.6_LT	3	Thứ 4(T6-8)	Trần Thị Diên	D-D3.3	
79	CS031.7_LT	3	Thứ 5(T6-8)	Trần Thị Diên	D-D2.4	
80	CS031.8_LT	3	Thứ 6(T6-8)	Trần Thị Diên	D-D2.3	
81	CS031.9_LT	3	Thứ 3(T6-8)	Trần Thị Diên	D-D2.4	
82	CS031.10_LT	3	Thứ 5(T6-8)	Nguyễn Thị Kim Dung	D-D2.3	
Học phần: Văn hoá doanh nghiệp						
83	QT039.1_LT	2	Thứ 5(T4-5)	Nguyễn Lan Anh A	D-D3.1	
84	QT039.2_LT	2	Thứ 6(T4-5)	Nguyễn Lan Anh A	D-D3.1	

ST T	Tên lớp tín chỉ	Số TC	Lịch học	Giáo viên	Phòng học	Ghi chú
85	QT039.3_LT	2	Thứ 2(T4-5)	Phan Thị Hoa	D-D1.3	
86	QT039.4_LT	2	Thứ 3(T4-5)	Phan Thị Hoa	D-D1.3	
87	QT039.5_LT	2	Thứ 5(T6-7)	Nguyễn Thị Lan Anh B	D-D3.1	
88	QT039.6_LT	2	Thứ 6(T6-7)	Nguyễn Thị Lan Anh B	D-D3.1	
89	QT039.7_LT	2	Thứ 5(T6-7)	Hoàng Thị Thúy Hằng	D-D2.2	

Nghệ An,, Ngày 2 tháng 10 năm 2015

Trưởng phòng

Tăng Văn Tân